



### III. TIỂU BAN VĂN HỌC - NGÔN NGỮ

---

# SO SÁNH KHÔNG GIAN KHU RỪNG TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM - HÀN QUỐC

Lưu Thị Hồng Việt<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup>Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: email: vietth@dlu.edu.vn/ Điện thoại: 0982161106

## Lịch sử bài báo

Nhận ngày tháng năm

Chỉnh sửa ngày tháng năm | Chấp nhận đăng ngày tháng năm

---

### Tóm tắt:

Khu rừng là không gian xuất hiện trong truyện cổ tích của Việt Nam và Hàn Quốc với tần số cao. Không gian khu rừng là điểm đến của các nhân vật cho thấy truyện cổ tích đã mở rộng phạm vi hoạt động của nhân vật. Bản chất của không gian này được miêu tả qua các yếu tố như ánh sáng, bóng tối, âm thanh, các loài vật, ngôi nhà hoang vắng, ngôi đền, hang động... làm nổi bật sự thâm u, bí ẩn của khu rừng. Đặc biệt, yêu tinh, quỷ quái xuất hiện rất nhiều, chúng tham gia vào thế giới của con người tạo thành một không gian cổ tích đầy bất trắc, thử thách tài trí, bản lĩnh của các nhân vật và dẫn đến sự xuất hiện của motif diệt yêu quái. Khu rừng là không gian chứa đựng thế giới kỳ quái. Sự xuất hiện của nhân vật yêu tinh đội lốt người phụ nữ - một trong những motif về jaga (jaga - kẻ ăn thịt người, liên quan mật thiết đến nghi lễ trưởng thành theo nghiên cứu của Propp) đã trở thành một trong những yếu tố nghệ thuật làm nổi bật bản chất của không gian khu rừng. Nghi lễ hiến tế và nghi lễ trưởng thành của người Việt và người Hàn đã ảnh hưởng đến sự kiến tạo không gian khu rừng. Khu rừng được tác giả dân gian hai nước sử dụng để kết thúc truyện theo hướng có hậu, theo quan niệm nhân - quả. Khu rừng còn là nơi ẩn chứa nhiều điều diệu kỳ. Ngoài ra, khu rừng còn mang ý nghĩa là không gian thử thách các nhân vật trong quá trình di chuyển đến vùng đất khác.

Không gian khu rừng xuất hiện trong truyện cổ tích của người Việt với tần số cao hơn so với truyện cổ tích của người Hàn. Cách mô tả không gian khu rừng trong các câu chuyện, cùng chung một cấu tạo cốt truyện cũng mang nhiều nét khác biệt. Cách thức kết thúc số phận của nhân vật trong khu rừng phản ánh sự khác biệt về nghệ thuật của truyện cổ tích hai nước.

**Từ khóa:** So sánh, không gian khu rừng, truyện cổ tích, Việt Nam, Hàn Quốc.

---

# COMPARISONS FOREST SPACE IN VIETNAMESE - KOREAN MAGIC FAIRY TALES

Luu Thi Hồng Việt<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup> The Faculty of International Studies, Da Lat University, Lam Dong, Vietnam

<sup>\*</sup> Corresponding author: Email: vietlh@dlu.edu.vn / Tel: 0982161106

Article history

Received:

Received in revised form:

Accepted:

---

## **Abstract:**

*The forest is space appeared in Vietnamese and Korean fairy tales with high frequency. Forest space is the destination of the characters, which shows that fairy tales have extended operating range of characters. The nature of this space is portrayed through factors such as light, shadow, sound, animals, deserted houses, temples and caves ... highlight darkness, mystery of the jungle. Especially, goblins, devil appear very often, they engage in the world of human, form a fairy space of uncertainty, challenge ingenuity, bravery of the characters and lead to the emergence of motif of demon eradication. The forest is a space containing a bizarre world. The appearance of goblin characters disguised woman - one of the motifs of Jaga (Jaga - cannibals, closely related to adult rituals, according to the research of Propp) has become one of the weak art elements highlight the nature of the forest space. Sacrificial rites and adult rituals of Vietnamese and Korean might have affected the forests' tectonic space. Forests are used by folk authors of the two countries to end the series with happy endings, with the concept of cause - effect. The forest is also home hides many wonderful things. Moreover, forests also mean the space which challenge characters in the process of migrating to other lands.*

*Forest space appears in Vietnamese fairy tales with higher frequencies than the Korean fairy tales. Describing forest space in the story with common structure also brings many differences. The manner it ended the fate of the characters in the forest reflect differences in the art of fairy tales of two countries.*

**Keywords:.** forest space, fairy tales, Vietnamese, Korean.

---

# INDOCHINA SUBSTANCE THROUGH THE AUTOBIOGRAPHY OF MARGUERITE DURAS

Tran Thi Bao Giang

*The Faculty of Literature and History, Dalat University, Lamdong, Vietnam*

*\*Corresponding author: Email: giangtb@dlu.edu.vn*

## Article history

Received:

Received in revised form: | Accepted:

Available online:

---

## Abstract

*Through the autobiographical element, Marguerite Duras revisits the months of no return in life, accompanied by the portrait of the Vietnamese social picture of the 1930s of the twentieth century. In a broader aspect, these are the typical characteristics of Asia, the substance of Indochina, the thinking of racial discrimination, the deceit of greedy government officials on behalf of France.*

**Keywords:** The substance of Indochina; Marguerite Duras; Autobiography.

---

# CHẤT ĐÔNG DƯƠNG QUA TỰ TRUYỆN CỦA MARGUERITE DURAS

Trần Thị Bảo Giang

*Khoa Ngữ văn và Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam*

*\*Tác giả liên hệ: Email: giangtb@dlu.edu.vn.*

## Lịch sử bài báo

Nhận ngày tháng năm

Chỉnh sửa ngày tháng năm | Chấp nhận đăng ngày tháng năm

---

## Tóm tắt

*Qua yếu tố tự truyện, Marguerite Duras tái hiện những tháng năm không trở lại trong cuộc đời, song hành với nó là sự hiển hiện bức tranh xã hội Việt Nam những năm 30 của thế kỷ XX. Rộng hơn, là những nét đặc thù Á châu, là chất Đông Dương, là cả tư duy phân biệt dị chủng, là sự lừa bịp của bọn tham quan nhân danh nước Pháp.*

**Từ khóa:** Chất Đông Dương; Marguerite Duras; Tự truyện.

---

## “TRUYỆN KIỀU” – LỊCH SỬ SÁNG TẠO VÀ SỰ LỰA CHỌN GIÁ TRỊ

Phạm Văn Hóa<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup>*Khoa Ngữ văn và Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam*

<sup>\*</sup>*Tác giả liên hệ: Email: hoapv@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0911932344*

### Tóm tắt:

Tác giả báo cáo *Truyện Kiều – lịch sử sáng tạo và sự lựa chọn giá trị* muốn được trao đổi, bàn luận thêm về ba nội dung chủ yếu là: Nguồn gốc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, quá trình sáng tạo và sự lựa chọn giá trị của tác phẩm. Bài viết một lần nữa góp phần khẳng định giá trị của *Truyện Kiều* trong đời sống văn hóa dân tộc Việt Nam và thế giới. Đây là kết quả của cái nhìn mang tính hệ thống, một quá trình suy ngẫm nhiều năm, mặc dù không được liên tục, nhưng với một chút say mê, xin chia sẻ tâm huyết.

**Từ khóa:** Truyện Kiều; Lịch sử; Sáng tạo; Giá trị.

## “THE TALES OF KIEU”

### – THE HISTORY OF CREATION AND THE CHOICE OF VALUES

Pham Van Hoa<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup>The Faculty of Literature and History, Dalat University, Lam Dong, Vietnam

<sup>\*</sup>Corresponding author: Email: hoapv@dlu.edu.vn

### Abstract:

*The author of the report “The Tales of Kieu - the history of creation and the choice of values” wants to be exchanged, discussing three main contents: The origin of The Tale of Kieu, history of the creation process of Nguyen Du's The Tale of Kieu, the work was created as follows: how and choose the value of the work. The article once again contributes to affirming the value of The Tales of Kieu in the national Vietnam cultural life and the world culture. This is the result of a systematic look, a process of reflection for many years, although not continuous, but with a little passion, please share.*

**Keywords:** The Tales of Kieu; History; Creativity; Value.

# CÁCH DIỄN ĐẠT CHUYỂN ĐỘNG CÓ HƯỚNG TRONG CÁC KẾT CẤU CHUYỂN ĐỘNG HƯ CẤU TIẾNG VIỆT (Trên cứ liệu ca từ Trịnh Công Sơn)

Dương Hữu Biên<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup>Khoa Ngữ văn và Lịch sử, Đại học Đà Lạt  
biendh@dlu.edu.vn

---

## Tóm tắt

Trong văn liệu bàn về kết cấu Đích của chuyển động tồn tại hai giả định thường được đưa ra: một mặt, có sự phân biệt rõ ràng giữa các động từ chuyển động có hướng cố hữu và các động từ phương thức chuyển động liên quan đến ngữ nghĩa của chúng. Lý do là ở chỗ cái trước bao gồm Lộ trình, còn cái sau chứa Phương thức trong phân trang điểm ngữ nghĩa của chúng. Chúng ảnh hưởng đến cách chúng diễn đạt chuyển động đến/hướng đến Đích bằng việc kết hợp với một ngữ chỉ hướng bắt buộc hoặc tùy ý; mặt khác, các động từ phương thức chuyển động tự do tham gia vào kết cấu Đích của Chuyển động.

*From the perspective of Cognitive Linguistics about fictive motion, based on the data on Vietnamese fictive motion constructions illustrated with the song words of Trinh Cong Son, the present paper provides evidence to propose that motion verbs in Vietnamese fictive motion constructions form a spectrum. They range along this spectrum from verbs that always indicate directed motion to verbs that never do so.*

Từ phối cảnh của Ngôn ngữ học Tri nhận về chuyển động hư cấu, dựa trên dữ liệu về các kết cấu chuyển động hư cấu tiếng Việt được minh họa bằng ca từ của Trịnh Công Sơn, bài viết này cung cấp bằng chứng cho thấy rằng các động từ chuyển động trong các kết cấu chuyển động hư cấu tiếng Việt tạo thành một phổ. Chúng phân tâm theo phổ này từ những động từ luôn biểu thị chuyển động có hướng đến những động từ không bao giờ cư xử như thế.

**Từ khóa:** Chuyển động có hướng; động từ chuyển động có hướng cố hữu; động từ phương thức chuyển động, ngữ chỉ hướng.

---

# EXPRESSION OF DIRECTED MOTIONS IN VIETNAMESE FICTIVE MOTION CONSTRUCTIONS

(Based on the song words of Trinh Cong Son)

Duong Huu Bien<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup>Faculty of Literature and History, Da Lat University  
biendh@dlu.edu.vn

---

## Abstract

*In the literature on the Goal of Motion construction exist two commonly held assumptions: on the one hand, there is a clear-cut distinction between verbs of inherently directed motion and manner-of-motion verbs concerning their semantics. The reason is that the former includes Path, and the latter contains Manner in their semantic embellishment. They affect how they express motion to/towards a Goal by combining with an obligatory or optional directional phrase; on the other hand, manner-of-motion verbs freely participate in the Goal of Motion construction.*

*From the perspective of Cognitive Linguistics about fictive motion, based on the data on Vietnamese fictive motion constructions illustrated with the song words of Trinh Cong Son, the present paper provides evidence to propose that motion verbs in Vietnamese fictive motion constructions form a spectrum. They range along this spectrum from verbs that always indicate directed motion to verbs that never do so.*

**Keywords:** Directed motion; directional phrases; manner-of-motion verbs, verbs of inherently directed motion.

---